

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, nhiệm vụ, quyền hạn trong dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và được phân cấp tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và được phân cấp tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Thông tư

Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được đẩy mạnh xã hội hóa trong thời gian vừa qua theo chủ trương của Chính phủ và theo quy định tại Luật Đo lường và các văn bản hướng dẫn, Thông tư 24/2013/TT-BKHCN). Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã có tác động tích cực đến hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong nước như: (i) Tạo cơ sở pháp lý để quản lý hoạt động của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và phục vụ quản lý nhà nước đối với phương tiện đo nhóm 2; (ii) Chuẩn hóa năng lực và tạo cơ chế bình đẳng cho hoạt động của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; (iii) Định hướng phát triển cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ quản lý về đo lường làm nền tảng cho phát triển kinh tế và hội nhập với thông lệ chung của hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong khu vực và trên thế giới. Tính đến 30/9/2025, đã có 601 tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên toàn quốc, trong số đó, có 399 tổ chức được chỉ định đang thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương

tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phục vụ quản lý nhà nước. Các tổ chức này đã đóng vai trò thiết yếu trong việc nâng cao độ tin cậy của kết quả đo lường, bảo đảm độ chính xác của phương tiện đo trong các lĩnh vực như y tế, xây dựng, giao thông, nghiên cứu khoa học..., qua đó bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao uy tín doanh nghiệp, giảm thiểu tổn thất do sai số kỹ thuật và nâng cao hiệu quả sản xuất. Theo báo cáo của các tổ chức, trung bình hằng năm có khoảng 18,7 triệu phương tiện đo nhóm 1 và gần 6,4 triệu phương tiện đo nhóm 2 được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; tổng doanh thu của hoạt động này ước đạt khoảng 5 000 tỷ đồng/năm.

Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, đòi hỏi các quốc gia phải có chính sách thích hợp để các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường hoạt động hiệu quả và tự chịu trách nhiệm với kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do đơn vị mình cung cấp, đồng thời, để bảo đảm hàng hóa Việt Nam được công nhận, thừa nhận kết quả đo lường trên thị trường quốc tế, quy định pháp luật trong nước cần phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế (OIML, ISO/IEC 17025...). Việc cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa hồ sơ và thủ tục hành chính, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, ứng dụng chuyển đổi số, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền không chỉ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, mà còn góp phần khuyến khích đổi mới sáng tạo, nâng cao trách nhiệm của tổ chức thực hiện, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu quốc gia và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Ngày 26/3/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, nêu rõ quan điểm *“Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương, “cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực”*; *gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy*” và mục tiêu *“Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.”*.

Bên cạnh đó, theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh yêu cầu khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới và thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó giao nhiệm vụ rà

soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đo lường theo hướng thống nhất, đồng bộ, hội nhập quốc tế, dựa trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh.

Ngày 29/6/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định 1526/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Để tháo gỡ vướng mắc, hạn chế trên, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý về đo lường theo hướng đổi mới, cải cách, đơn giản hóa điều kiện, cắt giảm thành phần hồ sơ thủ tục hành chính, giảm thời gian xử lý, thống nhất thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cả cơ quan quản lý lẫn tổ chức cung cấp dịch vụ.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích đánh giá

Việc đánh giá thủ tục hành chính được thực hiện nhằm mục đích:

- Đánh giá được sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;
- Bảo đảm sự đồng bộ giữa các thủ tục hành chính với các điều kiện kinh doanh tương ứng được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Thông tư, góp phần tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ kỹ thuật đo lường.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Việc đánh giá thủ tục hành chính được thực hiện dựa trên các yêu cầu:

- Việc đánh giá thủ tục hành chính phải thực hiện khách quan, toàn diện trên cơ sở đối chiếu với quy định hiện hành tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Chỉ ra các nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế của từng thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm;
- Đảm bảo kết quả đánh giá là căn cứ để hoàn thiện phương án đề xuất thủ tục hành chính trong dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và được phân cấp tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Căn cứ mục tiêu, yêu cầu đánh giá tại Mục I nêu trên, trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn văn dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổng hợp các TTHC quy định trong dự thảo, kết quả như sau:

- Số lượng TTHC (bao gồm cả cấp Trung ương, địa phương): 15 thủ tục

(1) Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp chứng nhận lần đầu);

(2) Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp chứng nhận lại);

(3) Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc giảm một phần các chuẩn đo lường được chứng nhận);

(4) Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp đề nghị điều chỉnh thông tin (tên gọi, đặc tính kỹ thuật đo lường chính...) của chuẩn đo lường đã được chứng nhận);

(5) Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2;

(6) Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (trường hợp chứng nhận lần đầu);

(7) Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (trường hợp chứng nhận lại);

(8) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ (trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức đề nghị điều chỉnh chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên hoặc điều chỉnh giảm một phần lĩnh vực kiểm định nhưng không thay đổi số lượng kiểm định viên được chứng nhận, cấp thẻ);

(9) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ (trường hợp đề nghị bổ sung lĩnh vực kiểm định cho kiểm định viên đã được chứng nhận, cấp thẻ);

(10) Thủ tục cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường;

(11) Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường;

(12) Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp chỉ định lần đầu và chỉ định lại);

(13) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp đề nghị thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính (không đồng thời là địa điểm hoạt động) hoặc thay đổi địa giới hành chính của tổ chức được chỉ định);

(14) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp đề nghị điều chỉnh các nội dung liên quan đến điểm b (bao gồm trường hợp địa chỉ trụ sở chính đồng thời là địa điểm hoạt động) và điểm c Điều 15 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN);

- TTHC dự kiến ban hành mới (TTHC cấp địa phương): Sau khi Thông tư 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ có hiệu lực, ở địa phương phát sinh 02 TTHC

(1) Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2;

(2) Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.

- TTHC được sửa đổi, bổ sung: 11 thủ tục

(1) Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp chứng nhận lần đầu);

(2) Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp chứng nhận lại);

(3) Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc giảm một phần các chuẩn đo lường được chứng nhận);

(4) Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp đề nghị điều chỉnh thông tin (tên gọi, đặc tính kỹ thuật đo lường chính...) của chuẩn đo lường đã được chứng nhận);

(5) Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (trường hợp chứng nhận lần đầu);

(6) Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (trường hợp chứng nhận lại);

(7) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ (trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức đề nghị điều chỉnh chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên hoặc điều chỉnh giảm một phần lĩnh vực kiểm định nhưng không thay đổi số lượng kiểm

định viên được chứng nhận, cấp thẻ);

(8) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ (trường hợp đề nghị bổ sung lĩnh vực kiểm định cho kiểm định viên đã được chứng nhận, cấp thẻ);

(9) Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp chỉ định lần đầu và chỉ định lại);

(10) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp đề nghị thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính (không đồng thời là địa điểm hoạt động) hoặc thay đổi địa giới hành chính của tổ chức được chỉ định);

(11) Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp đề nghị điều chỉnh các nội dung liên quan đến điểm b (bao gồm trường hợp địa chỉ trụ sở chính đồng thời là địa điểm hoạt động) và điểm c Điều 15 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN).

- TTHC được bãi bỏ: bãi bỏ 02 TTHC

(1) Thủ tục bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường;

(2) Thủ tục bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ hiệu lực quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.

1.1. Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp chứng nhận lần đầu)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 16 của Luật Đo lường: “*Chuẩn công tác dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được hiệu chuẩn tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định và phải được chứng nhận phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được chứng nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 14 của Luật này*”.

Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập đủ điều kiện để chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 nhằm bảo đảm tính pháp lý, độ tin cậy và tính thống nhất của kết quả kiểm định, đồng thời phòng ngừa rủi ro kỹ thuật, ngăn chặn gian lận đo lường trong giao dịch thương mại, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Cắt giảm 1/4 thành phần hồ sơ (25%) không thực sự cần thiết: *Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường do người đứng đầu tổ chức kiểm định được chỉ định ban hành.*

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử và tệp file nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

- + Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị *hoặc bản sao điện tử* giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn thời hạn có giá trị của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) còn thời hạn có giá trị của chất chuẩn. Chuẩn công tác, chất chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định;

- + Ảnh chụp của chuẩn đo lường bao gồm một (01) ảnh tổng thể và 01 ảnh nhãn mác. Ảnh màu cỡ (15 × 20) cm *hoặc tệp ảnh* đảm bảo in ảnh màu cỡ tương đương, phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng thông tin của chuẩn đo lường (đối với trường hợp chuẩn đo lường lần đầu được đề nghị chứng nhận).

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc;

- + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm

việc;

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm 1/4 thành phần hồ sơ (giảm 25%), 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường

dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (giảm 33%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 30%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 42% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.2. Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp chứng nhận lại)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 16 của Luật Đo lường: “*Chuẩn công tác dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được hiệu chuẩn tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định và phải được chứng nhận phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được chứng nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 14 của Luật này*”.

Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập đủ điều kiện để chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 nhằm bảo đảm tính pháp lý, độ tin cậy và tính thống nhất của kết quả kiểm định, đồng thời phòng ngừa rủi ro kỹ thuật, ngăn chặn gian lận đo lường trong giao dịch thương mại, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC

được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Cắt giảm 1/3 thành phần hồ sơ (33%) không thực sự cần thiết: *Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường do người đứng đầu tổ chức kiểm định được chỉ định ban hành.*

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử và tệp file nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

- + Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị *hoặc bản sao điện tử* giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn thời hạn có giá trị của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) còn thời hạn có giá trị của chất chuẩn. Chuẩn công tác, chất chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định;

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc;

- + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc;

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi,

đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm 1/3 thành phần hồ sơ (giảm 33%), 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp quyết định chứng nhận lại chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (giảm 33%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 30%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 51% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.3. Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc giảm một phần các chuẩn đo lường được chứng nhận)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 16 của Luật Đo lường: “*Chuẩn công tác dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được hiệu chuẩn tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định và phải được chứng nhận phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được chứng nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 14 của Luật này*”.

Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập đủ điều kiện để chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 nhằm bảo đảm tính pháp lý, độ tin cậy và tính thống nhất của kết quả kiểm định, đồng thời phòng ngừa rủi ro kỹ thuật, ngăn chặn gian lận đo lường trong giao dịch thương mại, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin
- + Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức đề nghị, bản điện tử hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh;
- Giảm thời gian giải quyết TTHC:
- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc;

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc;

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, 15 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp

quyết định điều chỉnh chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (giảm 67%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 70%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 12% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.4. Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp đề nghị điều chỉnh thông tin (tên gọi, đặc tính kỹ thuật đo lường chính...) của chuẩn đo lường đã được chứng nhận)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 16 của Luật Đo lường: “*Chuẩn công tác dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được hiệu chuẩn tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định và phải được chứng nhận phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo quy định tại khoản 2 Điều 16 phải được chứng nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 14 của Luật này*”.

Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập đủ điều kiện để chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 nhằm bảo đảm tính pháp lý, độ tin cậy và tính thống nhất của kết quả kiểm định, đồng thời phòng ngừa rủi ro kỹ thuật, ngăn chặn gian lận đo lường trong giao dịch thương mại, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức hoặc cá nhân. Cơ quan có thẩm

quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Cắt giảm 1/4 thành phần hồ sơ (25%) không thực sự cần thiết: *Tài liệu có liên quan khác đến nội dung điều chỉnh.*

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử và tệp file nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

- + Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị *hoặc bản sao điện tử* giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn thời hạn có giá trị của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) còn thời hạn có giá trị của chất chuẩn. Chuẩn công tác, chất chuẩn phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định;

- + Ảnh chụp (hoặc tệp ảnh chụp) của chuẩn đo lường bao gồm một (01) ảnh tổng thể và một (01) ảnh nhãn mác; ảnh màu phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng thông tin của chuẩn đo lường.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc;

- + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc;

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được

chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, 15 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp quyết định điều chỉnh chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (giảm 53%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 50%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 16% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy

định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.5. Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được sửa đổi Điều 28 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN để đồng bộ với quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN: Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực

hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Trong Thông tư 07/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thời gian ra quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 là 3 ngày, thời gian trên được coi là tối ưu và đảm bảo chi phí tuân thủ nhất.

1.6. Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (trường hợp chứng nhận lần đầu)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 29,30 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Yêu cầu đối với nhân viên kiểm định để được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường và hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện để tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp

phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Cắt giảm 1/5 thành phần hồ sơ (20%) không thực sự cần thiết: *Sơ yếu lý lịch của từng nhân viên kiểm định.*

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử và tệp file nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

- + Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực kiểm định;

- + Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định (đối với trường hợp lần đầu tiên cá nhân được đề nghị chứng nhận, cấp thẻ);

- + Hai (02) ảnh màu cỡ (2 x 3) cm hoặc tệp ảnh đảm bảo in ảnh màu cỡ tương đương, ảnh rõ nét và chụp nền trắng (đối với trường hợp lần đầu tiên cá nhân được đề nghị chứng nhận, cấp thẻ)."

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc;
- + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc;

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm 1/5 thành phần hồ sơ (giảm 20%), 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (giảm 33%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 30%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 17% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.7. Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (trường hợp chứng nhận lại)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 29,30 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Yêu cầu đối với nhân viên kiểm định để được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường và hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện để tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về

điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Cắt giảm 3/5 thành phần hồ sơ (60%) không thực sự cần thiết: *Sơ yếu lý lịch của từng nhân viên kiểm định; Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định (đối với trường hợp lần đầu tiên cá nhân được đề nghị chứng nhận, cấp thẻ; Hai (02) ảnh màu cỡ (2 x 3) cm hoặc tệp ảnh đảm bảo in ảnh màu cỡ tương đương, ảnh rõ nét và chụp nền trắng.*

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

+ Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực kiểm định;

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc;

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc;

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm 3/5 thành phần hồ sơ (giảm 60%), 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp lại quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (giảm 33%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 30%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 73% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.8. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ (trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức đề nghị điều chỉnh chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên hoặc điều chỉnh giảm một phần lĩnh vực kiểm định nhưng không thay đổi số lượng kiểm định viên được chứng nhận, cấp thẻ)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 35 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện để tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử và tệp file nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin
- + Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức đề nghị, bản điện tử hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh;
- Giảm thời gian giải quyết TTHC:
 - + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc;
 - + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc;
- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực

hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;
- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;
- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;
- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;
- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);
- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.
- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, 15 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp quyết định điều chỉnh chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (giảm 67%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 70%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 12% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ

tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.9. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ (trường hợp đề nghị bổ sung lĩnh vực kiểm định cho kiểm định viên đã được chứng nhận, cấp thẻ)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 35 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện để tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

Cắt giảm 1/3 thành phần hồ sơ (33%) không thực sự cần thiết: *Tài liệu khác*

có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh.

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử và tệp file nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

- + Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực kiểm định;

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc;

- + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc;

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-

CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, 15 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp quyết định điều chỉnh chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (giảm 53%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 50%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 23% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.10. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 29,30 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Yêu cầu đối với nhân viên kiểm định để được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường và hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện để tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy

định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm cả trong nước và nước ngoài, có thể áp dụng trên toàn quốc hoặc tại các vùng, miền, địa phương theo quy định. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là tệp file nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin
- + Hai (02) ảnh màu cỡ (2 x 3) cm hoặc tệp ảnh đảm bảo in ảnh màu cỡ tương đương, ảnh rõ nét và chụp nền trắng;
- Giảm thời gian giải quyết TTHC:
 - + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ 15 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc;
 - + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, từ 10 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc;
- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;
- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;
- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;
- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương

tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, 15 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường (giảm 67%), từ 10 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ (giảm 70%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại.

1.11. Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 37 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm

vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức ở Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, biểu mẫu quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông qua việc:

- Phân cấp xử lý TTHC cho UBND cấp tỉnh, đa dạng phương thức thực hiện, đẩy mạnh điện tử hóa bằng việc mở rộng các hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính, qua hệ thống thông tin một cửa điện tử), phù hợp với định hướng cải cách hành chính và chuyển đổi số, bảo đảm thuận tiện cho tổ chức có thể thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Trong Thông tư 07/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thời gian ra quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên là 3 ngày, thời gian trên được coi là tối ưu và đảm bảo chi phí tuân thủ nhất.

1.12. Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp chỉ định lần đầu và chỉ định lại)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 11,12 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Điều kiện chỉ định và hồ sơ đề nghị chỉ định. Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện đề tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức đề nghị chỉ định hoặc đã được chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2 và áp dụng trên toàn quốc. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thành phần hồ sơ theo hướng tinh gọn, đơn giản hơn so với quy định hiện hành thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Cắt giảm 5/8 thành phần hồ sơ (62,5%) không thực sự cần thiết: (1) Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện năm gần nhất; (2) Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị quy định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; (3) Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2; (4) Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường; (5) Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị cam kết.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở xuống 30 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn

giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm 5/8 thành phần hồ sơ (giảm 62,5%), 40 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở xuống 30 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở (giảm 25%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 66% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.13. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp đề nghị thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính (không đồng thời là địa điểm hoạt động) hoặc thay đổi địa giới hành chính của tổ chức được chỉ định)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 17 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại. Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện để tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy

tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức đề nghị chỉ định hoặc đã được chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2 và áp dụng trên toàn quốc. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thành phần hồ sơ theo hướng tinh gọn, đơn giản hơn so với quy định hiện hành thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Cắt giảm 6/8 thành phần hồ sơ (62,5%) không thực sự cần thiết: (1) Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện năm gần nhất; (2) Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị quy định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; (3) Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2; (4) Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường; (5) Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị cam kết; (6) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực.

- Cụ thể hóa thành phần hồ sơ: thêm yêu cầu về thành phần hồ sơ là bản sao điện tử nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

- + Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức được chỉ định, bản điện tử hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ xuống 7 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;

- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;

- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;

- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định

về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm 6/8 thành phần hồ sơ (giảm 75%), 10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ xuống 7 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (giảm 30%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 89% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch, đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

1.14. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (trường hợp đề nghị điều chỉnh các nội dung liên quan đến điểm b (bao gồm trường hợp địa chỉ trụ sở chính đồng thời là địa điểm hoạt động) và điểm c Điều 15 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN)

a) Sự cần thiết

Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 17 Thông tư 24/2013/TT-BKHCN: Điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại.

Đây là thủ tục hành chính thiết yếu, là cơ sở pháp lý để xác lập một trong những điều kiện để tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Điều 25 Luật Đo lường. Bên cạnh đó, thủ tục này cũng góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, góp phần nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh của các tổ chức và góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn và công bằng trong xã hội.

b) Tính hợp lý

Trình tự thực hiện của thủ tục hành chính (TTHC) được quy định rõ ràng theo từng bước cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước cũng như của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện được thiết kế phù hợp, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Thành phần hồ sơ được xác định đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các biểu mẫu cụ thể được ban hành trong các Thông tư. Các giấy tờ và tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC cũng được quy định chi tiết trong thành phần hồ sơ. Thời hạn giải quyết từng thủ tục được nêu rõ, cụ thể, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi. Đối tượng và phạm vi thực hiện thủ tục được xác định rõ là tổ chức đề nghị chỉ định hoặc đã được chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2 và áp dụng trên toàn quốc. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng TTHC cũng được chỉ định rõ ràng trong văn bản liên quan. Các mẫu đơn, tờ khai nếu có cũng được hướng dẫn cụ thể, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu liên quan đến TTHC được chuẩn hóa, thống nhất. TTHC cũng đã quy định cụ thể về điều kiện hoạt động của tổ chức, đảm bảo tính rõ ràng và khả thi trong quá trình thực hiện.

Dự thảo đã sửa đổi theo hướng cắt giảm giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý, đơn giản hóa quy trình thực hiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thành phần hồ sơ theo hướng tinh gọn, đơn giản hơn so với quy định hiện hành thông qua việc:

- Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Cắt giảm 6/8 thành phần hồ sơ (62,5%) không thực sự cần thiết: (1) Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện năm gần nhất; (2) Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị quy định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; (3) Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2; (4) Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường; (5) Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị cam kết; (6) Danh mục hồ sơ của hệ thống quản lý đã thiết lập và duy trì đối với hoạt động KĐ-HC-TN đề nghị chỉ định.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở xuống 30 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở.

c) Tính hợp pháp

Thủ tục hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Luật Đo lường (Điều 25): quy định tổ chức phải đăng ký và có thể được chỉ định khi đáp ứng yêu cầu;
- Luật Đầu tư: đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó phải thực hiện chỉ định và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật tương ứng;
- Luật Doanh nghiệp: thủ tục không hạn chế quyền tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mà chỉ kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ có điều kiện;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: về tính minh bạch, khả thi, đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức;
- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;
- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 19/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5);
- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Điều 8) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.
- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền theo quy định; không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác.

d) Chi phí tuân thủ

Dự thảo Thông tư đã sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm 6/8 thành phần hồ sơ (giảm 75%), 40 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở xuống 30 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở (giảm 25%), đồng thời đẩy mạnh phương thức thực hiện trên môi trường điện tử, giảm giấy tờ, giúp giảm công sức và thời gian đi lại. Do vậy, chi phí tuân thủ được giảm 68% (*Cụ thể về chi phí tuân thủ được gửi kèm theo*).

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tính toán cụ thể theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp. Việc tính toán chi phí tuân thủ cụ thể giúp đảm bảo minh bạch,

đồng thời cân đối hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá tính khả thi của quy định và khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính theo đúng lộ trình cải cách hành chính đã đề ra.

2. Việc phân quyền, phân cấp

2.1. Sự cần thiết

Việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nói chung và trong lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường nói riêng là yêu cầu khách quan và cấp thiết nhằm đáp ứng các mục tiêu sau:

- Phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước: Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Đây là nền tảng để xây dựng một nền hành chính phục vụ, linh hoạt, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, đồng thời giảm tải cho bộ máy trung ương.

- Tăng tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương

Giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh trong việc chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 và chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường là phù hợp với nguyên tắc “cấp nào sát dân, sát cơ sở thì cấp đó giải quyết”. Điều này tạo điều kiện để địa phương chủ động trong quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp, và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với chất lượng dịch vụ trên địa bàn.

- Tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp: Việc phân cấp giúp rút ngắn quy trình giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ ngay tại địa phương giúp giảm áp lực cho trung ương và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đảm bảo tính khả thi trong quản lý chuyên ngành: Lĩnh vực đo lường đòi hỏi phải kiểm soát chặt chẽ nhưng cũng cần cập nhật thường xuyên theo thực tiễn. Phân cấp cho địa phương là cách tiếp cận phù hợp để tăng tính linh hoạt trong triển khai, trong khi cơ quan trung ương vẫn giữ vai trò hướng dẫn chuyên môn, hậu kiểm và giám sát thống nhất trên toàn quốc.

- Góp phần hoàn thiện thể chế quản lý ngành, lĩnh vực: Phân cấp, phân quyền rõ ràng giúp phân định trách nhiệm, tăng tính minh bạch và kiểm soát lẫn nhau giữa các cấp chính quyền. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số và cải cách hành chính toàn diện

2.2. Thẩm quyền, nội dung phân quyền, phân cấp

Thẩm quyền phân cấp trong Dự thảo Thông tư được xác định rõ ràng, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ (Điều 8), Luật Đo lường và các nguyên tắc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, được phân cấp, phân quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

+ Tiếp nhận, xử lý các TTHC liên quan đến chuẩn đo lường và kiểm định viên (thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

+ Thực hiện trách nhiệm theo quy định pháp luật đo lường (theo Nghị định 105), cập nhật dữ liệu đo lường vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việc xác định thẩm quyền phân cấp như trên vừa bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện ở cấp địa phương, vừa giữ vững vai trò điều phối, giám sát của cơ quan trung ương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường.

2.3. Điều kiện bảo đảm để thực hiện nội dung được phân quyền, phân cấp

a) Về nguồn nhân lực

Một số công việc như ban hành văn bản hướng dẫn Thông tư; tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu trên nền tảng số cần thực hiện để triển khai Thông tư. Nguồn nhân lực tại chỗ của Bộ Khoa học và Công nghệ và Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai nên không phát sinh thêm nhân lực.

b) Về cơ sở vật chất – kỹ thuật

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần được trang bị đầy đủ hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối với cổng dịch vụ công và hệ thống cơ sở dữ liệu để tiếp nhận, xử lý, lưu trữ hồ sơ TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, nâng cấp và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung về tổ chức cung cấp dịch vụ đo lường, bảo đảm chia sẻ thông tin giữa các cấp quản lý.

c) Về tài chính

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng dự toán kinh phí tổ chức thực hiện các hoạt động như hướng dẫn nghiệp vụ, tuyên truyền phổ biến chính sách, xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin,... trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện.

d) Về truyền thông và tổ chức thực hiện

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi nội dung của Thông tư đến các tổ chức cung cấp dịch vụ đo lường, các cơ quan quản lý tại địa phương và các đối tượng có liên quan qua các kênh: văn bản hướng dẫn, hội nghị tập huấn, phương

tiện truyền thông, công thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương thực hiện hướng dẫn áp dụng, giám sát thi hành, định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả và đề xuất phương án điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết để bảo đảm thực thi hiệu quả, thống nhất.

2.4. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát sau khi phân quyền, phân cấp.

Dự thảo đã quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát sau phân cấp tương đối rõ ràng: Bộ KH&CN chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên phạm vi cả nước; kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan quy định tại Thông tư này trên phạm vi cả nước.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Yêu cầu về thể chế, hạ tầng, nhân lực, đổi mới sáng tạo, an toàn thông tin.

Dự thảo đã bổ sung nhiều quy định tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc triển khai thủ tục hành chính cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên môi trường điện tử, đặt ra nhu cầu phát triển hệ thống phần mềm, hạ tầng số và kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm bảo đảm quản lý dữ liệu tập trung, công khai, minh bạch. Yêu cầu về chuyển đổi số với giấy chứng nhận điện tử hoàn toàn trong khả năng, hạ tầng của tổ chức doanh nghiệp do đã thực hiện nhiều thủ tục trên môi trường số (đăng ký doanh nghiệp, khai báo thuế, xuất hóa đơn điện tử...)

3.2. Nội dung ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Dự thảo đã đưa ra những điều chỉnh quan trọng trong chuyển đổi số của thủ tục hành chính: xác định rõ bản sao điện tử của thành phần hồ sơ, lưu hồ sơ điện tử, bổ sung hồ sơ đánh giá tại cơ sở được số hóa và quy định cụ thể về giấy chứng nhận kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm điện tử hoặc số hóa bản giấy chứng nhận. Các quy định này nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, khuyến khích tổ chức doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin khi đã có những quy định chính thức cho phép áp dụng và công nhận tính pháp lý, sẽ góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đo lường.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến triển khai trong thực tiễn.

Việc triển khai các quy định trong dự thảo có những thuận lợi cơ bản là được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt về cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và hiện nay Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đang được xây dựng làm nền tảng. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra nhiều khó khăn như năng lực công nghệ thông tin chưa đồng đều giữa các địa phương, chi phí đầu tư hạ tầng số, phần mềm và bảo mật còn lớn, đội ngũ nhân lực am hiểu đồng thời về

chuyên môn đo lường và công nghệ số còn thiếu, cùng với đó là tâm lý e ngại thay đổi, chưa quen với phương thức quản lý số hóa.

3.4. Cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện

Cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện được quy định theo hướng phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, vận hành, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia, ban hành các quy định về kỹ thuật, bảo mật và hướng dẫn triển khai tại địa phương. Các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp trong quản lý ngành, lĩnh vực liên quan, đồng thời tích hợp và chia sẻ dữ liệu. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc cấp, điều chỉnh nội dung, hủy bỏ quyết định chứng nhận chuẩn đo lường và chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên và cập nhật dữ liệu đo lường vào hạ tầng công nghệ thông tin quốc gia. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia vừa chịu trách nhiệm thực hiện việc cấp, điều chỉnh nội dung, hủy bỏ quyết định đối với chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm đồng thời là đầu mối trung ương tổ chức, quản lý chung về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đảm bảo dữ liệu đo lường được cập nhật kịp thời, đầy đủ, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

3.5. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực thực hiện dự thảo được huy động từ nhiều kênh khác nhau. Ngân sách trung ương và địa phương sẽ bảo đảm cho việc xây dựng, duy trì và bảo mật Cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng thời hỗ trợ công tác tập huấn, đào tạo nhân lực tại địa phương. Bên cạnh đó, doanh nghiệp dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị, phần mềm và có thể tham gia các mô hình hợp tác công – tư để nâng cấp hệ thống. Ngoài ra, việc khai thác các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, nguồn viện trợ không hoàn lại và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đo lường và chuyển đổi số cũng là nguồn lực bổ sung quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Thông tư không có quy định nào có nội dung ảnh hưởng hoặc liên quan trực tiếp đến vấn đề bình đẳng giới. Các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo áp dụng chung cho các tổ chức, cá nhân không phân biệt giới tính. Do đó, không đặt ra yêu cầu đặc biệt về nội dung bình đẳng giới hoặc biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới khi thực hiện các TTHC theo dự thảo Thông tư.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Thông tư không quy định nội dung liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như không có nội dung đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các quy định về thủ tục hành chính tại dự thảo áp dụng chung cho tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện trên toàn quốc, không phân biệt vùng miền, dân tộc.

Vì vậy, dự thảo Thông tư không ảnh hưởng hoặc yêu cầu đánh giá riêng biệt về việc thực hiện chính sách dân tộc.

Trên đây là nội dung Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và được phân cấp tại Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ./.